

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NỢ XẤU TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Trần Trọng Phong*, Trần Văn Bằng**, Nguyễn Song Phương***

Ngày nhận: 30/5/2015

Ngày nhận bản sửa: 15/6/2015

Ngày duyệt đăng: 25/6/2015

Tóm tắt:

Bài viết này nhằm đánh giá các yếu tố tác động đến nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng mẫu gồm 15 ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam, thời kỳ phân tích giai đoạn 2007 - 2014. Nghiên cứu phát hiện ra rằng tỷ lệ nợ xấu kỳ trước, kết quả kinh doanh trong quá khứ, sự kém hiệu quả, quy mô của ngân hàng và tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản đều ảnh hưởng cùng chiều tới nợ xấu; còn tỷ lệ lạm phát tăng và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản tăng lại làm giảm nợ xấu của ngân hàng. Bài viết cũng tìm ra các nhân tố thực sự tác động tới nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam, từ đó nghiên cứu đề xuất một số giải pháp và gợi ý chính sách cho các ngân hàng thương mại Việt Nam và các cơ quan quản lý.

Từ khoá: ngân hàng thương mại, nhân tố ảnh hưởng, nợ xấu.

Factors affecting non-performing loan of Vietnamese commercial banks

Abstract

This article aims at assessing factors affecting non-performing loan (NPL) of Vietnamese commercial banks. The study used a sample of 15 large commercial banks in Vietnam in the period of 2007 - 2014. The research found that the proportion of previous NPLs, the business results in the past, the inefficiency, the scale of bank and the ratio of Lending/Total Assets had positive affects on the NPL, while an increase in inflation rate and the percentage of Equity/Total Assets had negative affects on the bank's NPL. Baed on the findings, the author proposed some solutions and policy recommendations for the Vietnamese commercial banks and policy makers.

Key words: commercial bank, factors affecting, non-performing loan.

1. Giới thiệu

Nợ xấu trong bất kỳ giai đoạn nào của nền kinh tế cũng luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà kinh tế chính sách cũng như các nhà quản trị ngân hàng. Nợ xấu ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của nền kinh tế cũng như sự tồn tại và phát triển của hệ thống ngân hàng. Do vậy, các ngân hàng cần phải nhận thức đúng về nợ xấu, đồng thời tìm và phân tích được nguyên nhân để từ đó đưa ra giải pháp khắc phục phù hợp.

Hiện nay, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ nợ xấu cao như hiện nay, nhưng nguyên nhân thực sự dẫn đến tỷ lệ nợ xấu cao của các ngân hàng

thương mại tại Việt Nam là gì?

Vì vậy, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu này nhằm tìm ra những nguyên nhân thực sự gây ra, tác động đến nợ xấu trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2007 – 2014. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu của 15 ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam.

Nghiên cứu chỉ ra những nguyên nhân thực sự gây lên nợ xấu trong các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, giúp các nhà quản trị lường trước, phòng ngừa và có biện pháp phù hợp để giải quyết vấn đề nợ xấu nan giải bấy lâu nay.

2. Tổng quan

Nợ xấu, hay nợ khó đòi, là các khoản nợ dưới chuẩn, có thể quá hạn và bị nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn của chủ nợ - điều này thường xảy ra khi các con nợ đã tuyên bố phá sản hoặc đã tẩu tán tài sản. Nợ xấu gồm các khoản nợ quá hạn trả lãi và/hoặc gốc trên thường quá ba tháng căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng để hạch toán các khoản vay vào các nhóm thích hợp.

Nợ xấu, các yếu tố ảnh hưởng đến việc xuất hiện nợ xấu, và mối quan hệ giữa nợ xấu và khủng hoảng tài chính là vấn đề đã được bàn nhiều trong các nghiên cứu. Mặc dù trong nước số lượng bài nghiên cứu về vấn đề này còn hạn chế, nhưng trên thế giới thì đây là vấn đề đã được quan tâm rất nhiều.

Các bài nghiên cứu trước có thể chia thành hai mảng chính. Mảng thứ nhất tập trung giải thích mối quan hệ giữa nợ xấu và môi trường kinh tế vĩ mô, mảng thứ hai thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố đặc thù của ngân hàng và nợ xấu.

Về mối quan hệ giữa nợ xấu và môi trường kinh tế vĩ mô, Louzis và cộng sự (2010) đã sử dụng dữ liệu mảng để nghiên cứu các yếu tố quyết định đến nợ xấu của 9 ngân hàng lớn nhất Hy Lạp trong giai đoạn 2001 – 2003, và tìm ra rằng các biến kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP thực tế, chỉ số thất nghiệp, chỉ số cho vay có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức độ của nợ xấu.

Bofondi và Ropele (2011) sử dụng chuỗi dữ liệu thời gian 1990 – 2010 khoản nợ mất vốn của các ngân hàng Italy và tìm ra rằng khả năng khoản vay có tổn thất có mối quan hệ thuận chiều với tỷ lệ thất nghiệp và lãi suất danh nghĩa ngắn hạn, quan hệ ngược chiều với tốc độ tăng trưởng GDP. Trước đó, Shu (2002) đã chỉ ra rằng chỉ số giá tiêu dùng, tăng trưởng GDP, tăng giá bất động sản có ảnh hưởng ngược chiều với khối lượng nợ xấu; còn lãi suất danh nghĩa thì có quan hệ cùng chiều với nợ xấu.

Các nghiên cứu khác được thực hiện tại các khu vực khác nhau trên thế giới (Ấn Độ, Malaysia, Nga, Tây Ban Nha, Châu Phi) đều cho kết quả tương tự. Nói chung, hầu hết các nghiên cứu đều cho ra cùng kết quả về mối quan hệ giữa yếu tố kinh tế vĩ mô và nợ xấu.

Về mối quan hệ giữa đặc thù của mỗi ngân hàng và nợ xấu, Hu và cộng sự (2004) đã phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu và nợ xấu của ngân hàng tại Đài Loan. Kết quả tìm ra là quy mô ngân hàng có quan hệ ngược chiều với nợ xấu, và khi có nhà nước sở hữu thì nợ xấu của ngân hàng cũng giảm đi. Nhiều tác giả cũng đã nghiên cứu mối quan hệ giữa yếu tố giám sát, quản trị và chất lượng các

khoản vay. Việc quản lý không hiệu quả có thể làm gia tăng nợ xấu cho ngân hàng.

Năm 2008, bằng cách phân tích các ngân hàng tại Czech, Podpiera và Weill đã cho rằng sự thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến gia tăng nợ xấu trong tương lai, và cần phải tập trung vào hiệu quả quản lý để cải thiện sự ổn định của hệ thống tài chính. Cùng năm đó, bằng cách sử dụng dữ liệu mảng, 129 ngân hàng Tây Ban Nha giai đoạn 1993 – 2000, Garcia-Marco và Robles-Fernandez đã tìm ra rằng mức độ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) sẽ đi kèm với một rủi ro lớn hơn trong tương lai. Họ kết luận rằng chính sách tối đa hóa lợi nhuận luôn đi kèm với mức độ rủi ro cao.

Một trong số các yếu tố đặc thù của mỗi ngân hàng là tăng trưởng tín dụng. Bercoff và cộng sự (trích dẫn trong A.S.Messai và F.Jouini 2013, tr.4) đã nghiên cứu các ngân hàng của Argentina và tìm ra rằng tăng trưởng tín dụng có ảnh hưởng đến chất lượng của khoản vay. Các nghiên cứu khác cũng có những kết quả tương tự như trên.

Các nhân tố cụ thể trong hai mảng được đề cập đến là:

2.1. Nhân tố vĩ mô

2.1.1. Tỷ lệ tăng trưởng GDP

Trong nhiều bài nghiên cứu trước, các tác giả đã xem xét mối quan hệ giữa môi trường kinh tế vĩ mô và chất lượng tín dụng. Rajan và Dhal (2003), Jimenez và Saurina (2006), và Fofack (2005) chỉ ra bằng chứng cho thấy mối quan hệ ngược chiều giữa tăng trưởng GDP và nợ xấu. Louzis và cộng sự (2010) giải thích trong suốt cuộc khủng hoảng, nợ xấu tăng cao nguyên nhân là do sự khó khăn về tài chính của các hộ gia đình và các công ty. Khi nền kinh tế phát triển một cách mạnh mẽ, thu nhập của các công ty và hộ gia đình được tăng lên có thể cải thiện khả năng trả nợ, dẫn tới nợ xấu thấp hơn.

Các nghiên cứu thực nghiệm khác cũng có xu hướng xác nhận giả thiết nói trên giữa các giai đoạn của chu kỳ kinh tế và chất lượng tín dụng. Quagliariello (2007) chỉ ra rằng chu kỳ kinh doanh ảnh hưởng đến tỷ lệ nợ xấu khi nghiên cứu bằng dữ liệu mảng với số lượng lớn các ngân hàng Italia trong giai đoạn 1985 -2002. Thêm nữa, Cifter và các cộng sự (2009) cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho một tác động trễ của sản xuất công nghiệp lên số nợ xấu trong hệ thống tài chính của Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2001- 2007. Salas và Saurina (2002) cho thấy ảnh hưởng ngược chiều đáng kể của tăng trưởng GDP tới nợ xấu và suy ra việc lan truyền nhanh chóng của nhân tố kinh tế vĩ mô đến khả năng cho vay của các tác nhân kinh tế.

2.1.2. Tỷ lệ thất nghiệp

Sự gia tăng trong tỷ lệ thất nghiệp sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền của các hộ gia đình và làm tăng gánh nặng của họ lên. Gia tăng thất nghiệp cũng báo hiệu sự sụt giảm trong sản xuất như một hệ quả của việc sụt giảm trong nhu cầu. Điều này sẽ dẫn đến sự sụt giảm trong doanh thu của các doanh nghiệp và kéo doanh nghiệp vào tình trạng khó khăn.

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định mối quan hệ giữa giai đoạn của chu kỳ kinh tế và nợ xấu. Vì vậy, nhóm tác giả kỳ vọng rằng sự gia tăng trong tỷ lệ thất nghiệp sẽ dẫn đến sự gia tăng trong nợ xấu của các ngân hàng.

2.1.3. Tỷ lệ lạm phát

Lạm phát cũng là một biến số vĩ mô được xem xét. Lạm phát sẽ làm giảm các khoản thu nhập thực tế của người đi vay, từ đó làm suy giảm khả năng trả nợ của họ. Ngoài ra, tỷ lệ lạm phát cao dẫn tới sự suy giảm nhanh chóng vốn sở hữu của các ngân hàng thương mại và mức độ nợ xấu lớn hơn.

2.1.4. Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống

Một yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến nợ xấu là tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống. Nó cho biết về điều kiện chung trên thị trường tín dụng và phản ánh mức độ dễ dàng để có thể tiếp cận được tín dụng và mức độ dễ dàng thông qua các hợp đồng. Nhóm tác giả phỏng đoán rằng mức độ gia tăng trong tốc độ tăng trưởng tín dụng có thể làm tăng nợ xấu trong tương lai bởi vì sự gia tăng có thể phản ánh các khoản vay rủi ro hơn được phê duyệt.

2.2. Nhân tố nội tại trong ngân hàng

2.2.1. Kết quả kinh doanh

Năm 2010, Louzis và cộng sự đã tìm thấy mối liên hệ giữa kết quả kinh doanh kém và nợ xấu, điều này có nghĩa là các khoản thu nhập trong quá khứ có quan hệ tiêu cực tới các khoản nợ xấu.

Chiều hướng ngược lại trong quan hệ giữa kết quả kinh doanh và nợ xấu cũng có thể xảy ra. Trong mô hình của bài nghiên cứu năm 1994, Rajan hướng đến giải thích sự tương quan giữa những thay đổi trong chính sách tín dụng và điều kiện từ phía khách hàng, ông đã chỉ ra thu nhập trong quá khứ có thể có tác động cùng chiều đến nợ xấu trong tương lai.

2.2.2. Sự kém hiệu quả trong quản lý

Chất lượng quản lý kém là quản lý với những kỹ năng yếu trong khâu chấm điểm tín dụng, thẩm định tài sản thế chấp, cầm cố và việc theo dõi khoản vay. Quản lý kém trong những khâu trên dẫn đến việc nâng cao nợ xấu của ngân hàng thương mại. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm của Berger và DeYoung

(1997) cũng đã chỉ ra sự kém hiệu quả trong quản lý tác động cùng chiều tới sự gia tăng nợ xấu trong tương lai.

Có nhiều cách đo lường sự kém hiệu quả, trong phạm vi nghiên cứu của bài, nhóm tác giả dùng tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu hoạt động để đo lường sự kém quản lý. Do công thức biểu thị một đồng doanh thu hoạt động được tạo ra sẽ mất bao nhiêu đồng chi phí, từ đó cho thấy được mức độ hiệu quả của hoạt động quản lý:

$$HQ = \frac{\text{Chi phí hoạt động}}{\text{Doanh thu hoạt động}}$$

2.2.3. Quy mô ngân hàng

Trong bài nghiên cứu của mình, Berger và DeYoung (1997) đã đưa ra giả thuyết “Too big to fail”: Các ngân hàng lớn sẽ nhận rủi ro quá mức do việc gia tăng sử dụng nợ và do đó có nhiều nợ xấu hơn.

2.2.4. Tăng trưởng tín dụng

Khi các ngân hàng cho vay quá mức, tăng trưởng tín dụng quá cao sẽ dẫn đến việc nợ xấu ra tăng. Trong nhiều nghiên cứu như Keeton và Morris (1987), Sinkey và Greenwalt (1991), Keeton (1999), Salas và Saurina (2002), Jimenez và Saurina (2005), các tác giả đã chỉ ra quan hệ cùng chiều giữa tăng trưởng tín dụng và nợ xấu.

2.2.5. Tỷ lệ đòn bẩy tài chính

Tỷ lệ đòn bẩy tài chính được đo bằng tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản. Các ngân hàng có tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản thấp (vốn mỏng) có thể làm tăng khả năng xảy ra rủi ro đạo đức dẫn đến tăng rủi ro danh mục đầu tư, gia tăng tỷ lệ nợ xấu (Berger và DeYoung, 1997).

2.2.6. Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản

Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản đề cập đến sự chấp nhận rủi ro của các ngân hàng đối với các khoản nợ xấu. Nguyên nhân là các ngân hàng có tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản cao có thể dẫn tới các khoản nợ xấu cao hơn trong thời kỳ nền kinh tế suy thoái. Sinkey và Greenwalt (1991); Dash và Kabra (2010) đã tìm thấy quan hệ cùng chiều giữa tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản với nợ xấu.

Như vậy, qua tìm hiểu các nghiên cứu trước trên thế giới, nhóm tác giả nhận thấy có 2 nhóm nhân tố tác động đến nợ xấu của các ngân hàng trên thế giới với các nhân tố cụ thể như trên. Nhóm tác giả áp dụng khung nhân tố này vào nghiên cứu tại Việt Nam để tìm ra những nhân tố thực sự tác động đến nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

3. Đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến nợ xấu của ngân hàng thương mại Việt Nam

Bảng 1: Tóm tắt các nhân tố ảnh hưởng đến nợ xấu tại các ngân hàng thương mại

| Biến | Mô tả | Dự đoán chiều tác động |
|---------------------------|--|-------------------------------|
| LnNX_{i,t} | Logarit cơ số tự nhiên của tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của ngân hàng i tại năm t $LnNX_{i,t} = \text{Log}\left(\frac{\text{Nợ xấu}_{i,t}}{\text{Tổng dư nợ}_{i,t}}\right)$ | |
| GDP_t | Tốc độ tăng trưởng hàng năm của GDP thực tế tại năm t | (-) |
| TN_t | Tỷ lệ thất nghiệp hàng năm tại năm t | (+) |
| LP_t | Tỷ lệ lạm phát hàng năm được đo bằng chỉ số giá tiêu dùng tại năm t | (+) |
| TT_HT_t | Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống hàng năm tại năm t | (+) |
| ROE_{i,t} | Lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu của ngân hàng i tại năm t $ROE_{i,t} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}_{i,t}}{VCSH_{i,t}}$ | (-) (+) |
| HQ_{i,t} | Tỷ lệ của chi phí hoạt động trên doanh thu hoạt động của ngân hàng i tại năm t $HQ_{i,t} = \frac{\text{Chi phí hoạt động}_{i,t}}{\text{Doanh thu hoạt động}_{i,t}}$ | (+) |
| QM_{i,t} | Quy mô của ngân hàng i tại năm t $QM_{i,t} = \frac{\text{Tổng tài sản}_{i,t}}{\sum_{i=1}^{15} \text{Tổng tài sản}_{i,t}} \times 100\%$ | (+) |
| TT_{i,t} | Tăng trưởng tín dụng của ngân hàng i tại năm t $TT_{i,t} = \frac{\text{Tổng dư nợ}_{i,t} - \text{Tổng dư nợ}_{i,t-1}}{\text{Tổng dư nợ}_{i,t-1}}$ | (+) |
| ĐB_{i,t} | Tỷ lệ đòn bẩy tài chính $\text{ĐB}_{i,t} = \frac{VCSH_{i,t}}{TTS_{i,t}} \times 100\%$ | (-) |
| CV_{i,t} | Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản $CV_{i,t} = \frac{\text{Tổng dư nợ}_{i,t}}{\text{Tổng tài sản}_{i,t}} \times 100\%$ | (+) |

3.1. Phương pháp nghiên cứu

3.1.1. Dữ liệu nghiên cứu

Để số liệu không bị quá chênh lệch kết hợp với điều kiện của bài nghiên cứu, nghiên cứu không thu thập số liệu của toàn bộ các ngân hàng thương mại Việt Nam mà chỉ thu thập dữ liệu từ 15 ngân hàng thương mại lớn.

Giai đoạn nghiên cứu: từ năm 2007 đến năm 2014. Do năm 2006 - 2007 là thời gian bùng nổ thị trường chứng khoán ở Việt Nam nên công khai và minh bạch thông tin được thực hiện tốt hơn; mặt khác để chạy dữ liệu mảng trên mẫu 15 ngân hàng thương mại thì giai đoạn 7 năm là phù hợp.

Các biến vĩ mô được thu thập từ cơ sở dữ liệu

(data) của website WorldBank và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn phân tích. Đối với các biến nội tại của ngân hàng và tỷ lệ nợ xấu, nghiên cứu thu thập các số liệu thô từ báo cáo thường niên, báo cáo hợp nhất của các ngân hàng thương mại, báo cáo hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu, sau đó tiến hành tính toán các chỉ số cần sử dụng.

3.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Mô hình của bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu mảng – số liệu của 15 ngân hàng thương mại lớn trong vòng 7 năm từ năm 2007 đến năm 2014 – được hồi quy theo 3 cách: Mô hình hồi quy gộp (pooled OLS), mô hình ảnh hưởng ngẫu nhiên

Bảng 2: Tên 15 ngân hàng thương mại sử dụng trong mẫu nghiên cứu

| STT | Mã chứng khoán | Tên Ngân Hàng |
|-----|----------------|--|
| 1 | ACB | Ngân hàng TMCP Á Châu |
| 2 | AGRB | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam |
| 3 | BID | Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam |
| 4 | CTG | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |
| 5 | EIB | Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam |
| 6 | HDB | Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh |
| 7 | MBB | Ngân hàng TMCP Quân đội |
| 8 | MSB | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam |
| 9 | PVF | Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam |
| 10 | SCB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn |
| 11 | SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội |
| 12 | STB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín |
| 13 | TCB | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam |
| 14 | VCB | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam |
| 15 | VPB | Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |

(REM) và mô hình ảnh hưởng cố định (FEM). Để tìm hiểu xem phương pháp hồi quy nào là phù hợp nhất trong ba phương pháp trên, nhóm tác giả sử dụng hai kiểm định là Lagrangian Multiplier (LM test, Breusch và Pagan, 1980) và kiểm định Hausman (Hausman, 1978).

3.1.3. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên những phân tích trên, nghiên cứu xây dựng phương trình cho tỷ lệ những khoản nợ xấu của ngân hàng i trong năm t ($NX_{i,t}$):

$$\begin{aligned} \ln NX_{i,t} = & \beta_0 + \beta_1 GDP_t + \beta_2 TN_t + \beta_3 LP_t + \\ & \beta_4 TT_HT_t + \beta_5 \ln NX_{i,t-1} + \beta_6 ROE_{i,t-1} + \beta_7 HQ_{i,t} \\ & + \beta_8 QM_{i,t} + \beta_9 TT_{i,t} + \beta_{10} DB_{i,t} + \beta_{11} CV_{i,t} + \varepsilon_{i,t} \end{aligned}$$

Trong đó: ε là sai số ngẫu nhiên.

3.2. Kết quả hồi quy

Sau khi tiến hành hồi quy, kết quả kiểm định LM cho giá trị P-value = 0,0000 < 0,05 và kiểm định Hausman cho giá trị P-value = 0,0235 < 0,05, điều đó cho thấy phương pháp hồi quy theo mô hình ảnh hưởng cố định (FEM) là thích hợp nhất và có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3 trình bày kết quả hồi quy, kết quả cho thấy các yếu tố vĩ mô hoặc là không tác động hoặc

là tác động rất ít tới các khoản nợ xấu của ngân hàng. Với mức ý nghĩa 10%, tỷ lệ tăng trưởng GDP và tỷ lệ thất nghiệp không tác động tới nợ xấu. Với mức ý nghĩa 5%, tỷ lệ lạm phát ảnh hưởng ngược chiều tới nợ xấu trong các ngân hàng, điều này ngược lại so với kỳ vọng ban đầu của tác giả; có thể khi lạm phát tăng cao, việc trả nợ sẽ dễ dàng hơn cho người đi vay khi giá trị thực của khoản vay giảm, giúp nợ xấu giảm. Với mức ý nghĩa 5%, tăng trưởng tín dụng tăng làm tăng các khoản nợ xấu, điều này phù hợp với phân tích của tác giả ban đầu.

Đối với nhóm các nhân tố nội tại của ngân hàng, đa số các biến đều ảnh hưởng khá mạnh mẽ tới nợ xấu. Với mức ý nghĩa 10%, tăng trưởng tín dụng của từng ngân hàng không tác động tới nợ xấu của ngân hàng đó. Nợ xấu của kỳ trước đó tác động mạnh mẽ tới hiện tại ở mức ý nghĩa 1%, điều đó có nghĩa là ngân hàng có một mức nợ xấu cao ở hiện tại sẽ tiếp tục có tỷ lệ nợ xấu cao trong năm tiếp theo. Kết quả kinh doanh trong quá khứ, đại diện bằng chỉ số ROE, tác động cùng chiều lên tỷ lệ nợ xấu với mức ý nghĩa 1%; sự kém hiệu quả trong quản lý và tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản cũng tác động tích cực lên nợ xấu với mức ý nghĩa 5%, điều này hoàn toàn phù hợp với kỳ vọng ban đầu của tác giả. Tại mức ý nghĩa 10%, những ngân hàng có quy mô lớn hơn sẽ

Bảng 3: Kết quả hồi quy

| Biến | Hệ số | Sai số | Thống kê t | P-value của thống kê t |
|--------------------------------------|------------|-----------|------------|------------------------|
| Nhân tố vĩ mô | | | | |
| GDP | 0,0298395 | 0,0335468 | 0,89 | 0,374 |
| TN | 0,5387571 | 0,4497140 | 1,20 | 0,231 |
| LP | -0,0276869 | 0,0137614 | -2,01 | 0,045 |
| TT_HT | 0,0193783 | 0,0089501 | 2,17 | 0,031 |
| Nhân tố nội tại của ngân hàng | | | | |
| LnNX(t-1) | 0,6654078 | 0,0868899 | 7,66 | 0,000 |
| ROE(-1) | 4,830655 | 1,738115 | 2,78 | 0,007 |
| HQ | 3,051802 | 1,293883 | 2,36 | 0,018 |
| QM | 2,456047 | 1,275864 | 1,93 | 0,055 |
| TT | -0,0065628 | 0,0042757 | -1,53 | 0,129 |
| ĐB | -3,49538 | 1,382725 | -2,53 | 0,013 |
| CV | 0,2486401 | 0,1012149 | 2,46 | 0,014 |
| Hệ số chặn | 0,2195289 | 0,0641636 | 3,42 | 0,001 |
| R ² | 81,93% | | | |

có tỷ lệ nợ xấu cao hơn, do những ngân hàng lớn thường có xu hướng mạo hiểm để tăng tỷ phần vốn vay, từ đó kéo theo việc nợ xấu cao hơn. Đặc biệt, ở mức ý nghĩa 5%, đòn bẩy tài chính tác động mạnh mẽ tới tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng, theo đó, tỷ lệ VCSH trên tổng tài sản của ngân hàng càng cao thì tỷ lệ nợ xấu càng thấp.

4. Một số khuyến nghị

Từ kết quả thực nghiệm trên 15 ngân hàng lớn tại Việt Nam trong giai đoạn 2007 - 2014, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp và gợi ý chính sách cho các ngân hàng thương mại và các cơ quan chức năng có liên quan. Nhóm nghiên cứu tập trung vào nhóm giải pháp liên quan đến các ngân hàng thương mại:

- Khi nền kinh tế không ổn định như tỷ lệ lạm phát thấp hoặc tăng trưởng tín dụng quá cao, các nhà quản trị ngân hàng thương mại nên chú ý nhiều hơn tới quản lý rủi ro tín dụng để kịp thời nắm bắt tình hình và kiểm soát nợ xấu;

- Các nhà quản trị ngân hàng nên cân nhắc một tỷ lệ đòn bẩy tài chính phù hợp, đồng thời giữ mức cho vay không quá cao. Điều này không có nghĩa là hạn chế toàn bộ danh mục cho vay, nhưng có thể hạn chế một số các loại cho vay được coi là gây rủi ro đáng kể cho danh mục cho vay và do đó có thể tạo ra các khoản cho vay có vấn đề;

- Nhóm tác giả phát hiện những ngân hàng thương mại lớn hơn thường có xu hướng tỷ lệ nợ xấu cao hơn, vì vậy gợi ý cho các cơ quan quản lý nên chú trọng theo dõi các hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại có quy mô lớn;

- Các cơ quan chức năng có thể sử dụng chỉ số nợ xấu trong quá khứ để cảnh báo các ngân hàng thương mại về mức độ tiềm tàng của nợ xấu trong tương lai;

- Các ngân hàng thương mại có thể sử dụng chỉ số nợ xấu và chỉ số ROE, tỷ lệ nợ xấu trong quá khứ, chi phí hiệu quả để dự báo cho nợ xấu trong tương lai. □

Lời thừa nhận/cảm ơn: Bài viết thuộc đề tài KX01.15/11-15: “An ninh tài chính tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”

Tài liệu tham khảo

- Berger, A. và DeYoung, R. (1997), ‘Problem loans and cost efficiency in commercial banks’, *Journal of Banking and Finance*, tập 21, trang 849-870.
- Bofondi, M. và Ropele, T. (2011), ‘Macroeconomic determinants of bad loans: evidence from Italian banks’, *Bank of Italy Occasional Paper*, số 89, trang 1-40.
- Cifter, A., Yilmazer, S. và Cifter E. (2009), ‘Analysis of Sectoral Credit Default Cycle Dependency With Wavelet Networks: Evidence from Turkey’, *Economic Modelling*, tập 26 số 6, trang 1382-1388.
- Dash, M. và Kabra, G. (2010), ‘The determinants of non-performing assets in Indian commercial bank: An econo-

- metric study', *Middle Eastern Finance and Economics*, số 7, trang 94-106.
- Fofack, H. (2005), *Non-performing loans in sub-Saharan Africa: Causal Analysis and Macroeconomic Implications*, *World Bank Policy Research Working Paper*, truy cập lần cuối ngày 02 tháng 9 năm 2015, từ <<http://ssrn.com/abstract=849405>>.
- Garcia-Marco, T. và Robles-Fernandez, M.D. (2008), 'Risk-taking Behaviour and Ownership in the Banking Industry: The Spanish Evidence', *Journal of Economics and Business*, tập 60 số 4, trang 332-354.
- Hu, J.L., Li, Y. và Chiu, Y.H. (2004), 'Ownership and nonperforming loans: Evidence from Taiwan's banks', *The Developing Economies*, tập 42 số 3, trang 405-420.
- Jimenez, G. và Saurina J. (2006), 'Credit cycles, credit risk, and prudential regulation', *International Journal of Central Banking*, tập 2 số 2, trang 65-98
- Keeton, W. và Morris C.S. (1987), 'Why do banks' loan losses differ? Federal Reserve Bank of Kansas City', *Economic Review*, tập 72 số 3, trang 3-21.
- Keeton, W.R. (1999), 'Does Faster Loan Growth Lead to Higher Loan Losses? Federal Reserve Bank of Kansas City', *Economic Review*, tập 84 số 2, trang 57-75.
- Louzis, D.P., Vouldis, A.T. và Metaxas, V.L. (2010), 'Macroeconomic and bank-specific determinants of non-performing loans in Greece: A comparative study of mortgage, business and consumer loan portfolios', *Journal of Banking and Finance*, tập 36 số 4, trang 1012-1027.
- Messai, A.S và Jouini, F. (2013), 'Micro and Macro Determinants of Non-performing Loans', *International Journal of Economics and Financial Issues*, tập 3 số 4, trang 852-860.
- Podpiera, J. và Weill, L. (2008), 'Bad Luck or Bad Management? Emerging Banking Market Experience', *Journal of Financial Stability*, tập 4 số 2, trang 135-148.
- Quagliariello, M. (2007), 'Banks' Riskiness Over the Business Cycle: a Panel Analysis on Italian Intermediaries', *Applied Financial Economics*, tập 17 số 2, trang 119-138.
- Rajan, R. (1994), 'Why bank policies fluctuate: A theory and some evidence', *Quarterly Journal of Economics*, tập 109 số 2, trang 399-441.
- Rajan, R. và Dhal, S.C. (2003), 'Non-performing loans and terms of credit of public sector banks in India: An empirical assessment', *Reserve Bank of India Occasional Papers*, tập 24 số 3, trang 81-121.
- Salas, V. và Saurina, J. (2002), 'Credit risk in two institutional regimes: Spanish commercial and savings banks', *Journal of Financial Services Research*, tập 22 số 3, trang 203-224.
- Shu, C. (2002), *The Impact of macroeconomic environment on the asset quality of Hong Kong's banking sector*, *Hong Kong Monetary Authority Research Memorandums*, truy cập lần cuối ngày 02 tháng 9 năm 2015, từ <<http://www.hkma.gov.hk/media/eng/publication-and-research/research/working-papers/pre2007/RM20-2002.pdf>>
- Sinkey, J.F. và Greenwalt, M. (1991), 'Loan-loss experience and risk-taking behavior at large commercial banks', *Journal of Financial Services Research*, tập 5 số 1, trang 43-59.

Thông tin tác giả:

* **Trần Trọng Phong**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Ngân hàng- Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Ngân hàng thương mại, Marketing ngân hàng, tài chính phát triển

- Tạp chí tiêu biểu từng đăng tải công trình: *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, *Tạp chí Ngân hàng*, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*, *Ngân hàng thương mại*, *Marketing ngân hàng*, *tài chính phát triển*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: trantrongphong@gmail.com

****Trần Văn Bằng**

- Tổ chức tác giả công tác: Sinh viên Viện Ngân hàng- Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

*** **Nguyễn Song Phương**

- Tổ chức tác giả công tác: Sinh viên Viện Ngân hàng- Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân